TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 25- 01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Hà.

Bà Ngô Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 213/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 11tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Văn T**, sinh ngày 01 tháng 04 năm 1991 tại huyện Đ, Hà Nội; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn D (tức Đ) và bà: Nguyễn Thị P; vợ Hoàng Thị Y, có 02 con lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có tiền án tiền sự đã xoá; Danh chỉ bản số: 373 ngày 18.8.2017 của Công an Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; tạm giam từ ngày 17.8.2017(Có mặt).

2. Họ và tên: **Đặng Văn H**, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1997 tại huyện Đ, Hà Nội; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H và bà: Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có tiền án

tiền sự đã xoá; Danh chỉ bản số: 368 ngày 16.8.2017 của Công an Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; tạm giữ từ ngày 14.8.2017; tạm giam từ ngày 17.8.2017(Có mặt).

3. Họ và tên: **Trần Văn T1**, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1998 tại huyện Đ, Hà Nội; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn V, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân Q và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có tiền án tiền sự đã xoá; Danh chỉ bản số: 397 ngày 10.9.2017 của Công an Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; tạm giữ từ ngày 08.9.2017; tạm giam từ ngày 11.9.2017(Có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1999 tại huyện Đ, Hà Nội; Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 19 ngày; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn V, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Bùi Thị Th; vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có tiền án tiền sự đã xoá; Danh chỉ bản số: 369 ngày 17.8.2017 của Công an Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; tạm giữ từ ngày 14.8.2017; tạm giam từ ngày 17.8.2017(Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H1* ông Nguyễn Văn H sinh năm1966 và bà Bùi Thị Th sinh năm 1971; cùng cư trú tại Thôn V, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là bố mẹ bị cáo (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1* luật sư Đỗ Thị Hương - Cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1983; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, Xã H, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Văn H sinh năm1966 và bà Bùi Thị Th sinh năm 1971; Cùng cư trú tại: Thôn V, Xã V, Huyện Đ, TP. Hà Nội là bố mẹ bị cáo H1 (Có mặt).

2. Ông Đặng Văn D (tức Đ) sinh năm1971 và bà Nguyễn Thị Ph sinh năm 1972; Cùng cư trú tại: Thôn Đ, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là bố mẹ bị cáo T (Có mặt).

3. Ông Đặng Văn H sinh năm1961 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1964; Cùng cư trú tại: Thôn Đ, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là bố mẹ bị cáo H (Có mặt).

4. Chị Vũ Thị Lê Ph, sinh năm 1984; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, Xã H, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là vợ của bị hại (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là chị của bị hại (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26.6.2017 ông Nguyễn Hữu T sinh năm: 1958, Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội có đơn trình báo về việc: Khoảng 21h ngày 26.6.2017 con trai ông là Nguyễn Hữu Kh đang ngồi uống nước tại nhà bố vợ là ông Vũ Văn H ở thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thì bị nhóm thanh niên lạ mặt xông vào chém gần đứt cổ tay phải và phải đi bệnh viện cấp cứu.

Ngày 27.6.2017 anh Nguyễn Hữu Kh sinh năm 1983, Trú tại: thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trình bày: anh Kh bị chém đứt cánh tay phải đang nằm điều trị tại bệnh viện Việt Đức. Anh đề nghị Cơ quan điều tra cho anh đi giám định thương tích và xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật.

Nhận được tin báo Cơ quan điều tra làm rõ nội dung như sau: Khoảng 21h00 ngày 26.6.2017, Đặng Văn H điều khiển xe máy Wave màu trắng chở Đặng Văn T cùng Trần Văn T1 đi trên đường thôn C, xã H. Đến đoạn gần nhà ông Vũ Đức H là bố vợ của anh Kh cách đê sông Hồng khoảng 200m, nhóm của H gặp một chiếc ôtô hãng Inova BKS: 30A-293.76 của anh Nguyễn Hữu Kh đỗ chắn ngang đường, hai bên lời qua tiếng lại, va chạm với nhau, anh Kh dùng tay tát một cái vào mặt T. Được mọi người can ngăn, anh Kh đi vào nhà ông Vũ Đức H. Sau đó T, H và T1 đi tiếp lên đê sông Hồng. Do bực tức vì bị đánh vô cớ, T rủ H và T1 lấy hung khí để đi đánh anh Kh, H và T1 đồng ý. T đứng tại đê sông Hồng đoạn dưới gầm cầu TL. H điều khiển xe máy Wave màu trắng chở T1 về nhà H lấy hung khí gồm một con dao tông và một thanh kiếm nhật. Trong khi chờ H và T1 đi lấy hung khí, T tiếp tục gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn H1 đi đánh nhau, H1 đồng ý và điều khiển xe máy Dream BKS: 29S1-307.03 đi đến đê sông Hồng gặp T. Khi H và T1 mang hung khí đến, T cầm con dao tông lên xe máy của H1 điều khiển, H cầm thanh kiếm nhật lên xe máy của T1 điều khiển. Cả nhóm T, H, T1và H1 đi đến trước cửa nhà ông Vũ Đức H. Phát hiện anh Kh đang đứng trước cửa nhà nói chuyện với ông H. T xuống xe, cầm dao tông chạy trước về phía anh Kh, H cầm kiếm chạy phía sau, còn H1 và T1 ngồi trên xe máy nổ, sẵn sàng chở T và H tẩu thoát. Anh Kh nhìn thấy T cầm hung khí lao về phía mình nên bỏ chạy vào nhà thì bị T dùng dao tông chém trúng cổ tay phải. Sau khi chém anh Kh xong T bỏ chạy ra ngoài, do bị vấp ngã nên ông H tước đoạt được dao tông, chỉ về phía T, H và nói "chúng mày định giết người à". T và H lên xe máy của H1 và T1 điều khiển tẩu thoát. Anh Kh được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện N, rồi chuyển bệnh viện V cấp cứu và điều trị.

Vật chứng tạm giữ: 01 dao tông bằng kim loại sáng màu, dài 69cm, chuôi dao dài 08cm, lưỡi dao dài 61cm, bản dẹt rộng 03cm, trên phần lưỡi dao có dính chất màu đỏ nghi là máu người (là dao của T sử dụng chém gây thương tích cho anh Kh); 01 đôi dép tông màu đen, có ghi chữ "lacoste" (không xác định được của ai);

01 áo ba lỗ màu trắng, có dính vết màu đỏ nghi là máu người (là áo của ông Vũ Đức H); 01 đôi dép tông màu đen, phần quai dép có biểu tượng con tuần lộc, trên dép có chất màu đỏ nghi là máu người (là dép của anh Kh).

Thương tích của anh Nguyễn Hữu Kh được xác định theo biên bản xác minh thương tích ban đầu ngày 26.6.2017 của Bệnh viện N cung cấp: Bệnh nhân vào viện trong tình trạng tỉnh, tinh thần hoảng loạn; cổ tay phải có vết thương đứt gần lìa cổ tay bờ sắc gọn chảy máu. Xử trí: Ga rô, băng cố định cổ tay phải chuyển bệnh viện V.

Tại giấy chứng thương số 4494/17/KHTH của Bệnh viện V cung cấp: Bệnh nhân vào viện trong tình trạng kích thích, mạch 95L/phút, huyết áp 110/60mmHg, đồng tử hai bên đều, phản xạ ánh sáng (+), da niêm mạc nhợt; Đứt gần rời 1/3 dưới cẳng tay phải, đứt toàn bộ mạch máu, đứt rời đầu dưới 2 xương cẳng tay, hệ thống gân gấp duỗi; X.Quang: Gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng tay phải; Di lệch chồng nhiều, không mảnh rời.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định thương thích của anh Kh. Tại bản kết luận giám định số 579/TTPY ngày 11/7/2017 của Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận tỉ lệ tổn hại sức khỏe của anh Nguyễn Hữu Kh là 48% (bốn mươi tám phần trăm).

Ngày 19/7/2017, Đặng Văn T đến Cơ quan điều tra làm việc theo giấy triệu tập và tại Cơ quan điều tra Đặng Văn T đã khai nhận hành vi như trên.

Ngày 14/8/2017, Đặng Văn T vận động Đặng Văn H và Nguyễn Văn H1 đến cơ quan Công an đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Đặng Văn H và Nguyễn Văn H1 đã khai nhận hành vi phù hợp tài liệu điều tra thu thập được.

Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 16/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đông Anh đã quyết định khởi tố bị can đối với Đặng Văn T, Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn T1 về tội Cố ý gây thương tích.

Đối với Trần Văn T1, sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 05/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đông Anh ra quyết định truy nã đối với Trần Văn T1. Ngày 08/9/2017, Trần Văn T1 đến Công an huyện Đông Anh đầu thú và đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Về phần dân sự: Ngày 29/7/2017, gia đình anh Nguyễn Hữu Kh đã nhận số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) của gia đình các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H và Nguyễn Văn H1 bồi thường khắc phục hậu quả. Tại cơ quan điều tra anh Nguyễn Hữu Kh đề nghị các bị cáo T, H, H1 và T1 phải bồi thường thêm số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu) là tiền anh Kh chi phí sau khi ra viện và anh Kh đề nghị xử lý các bị cáo T, H, H1 và T1 theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Hữu Kh có hành vi Gây rối trật tự công cộng vi phạm vào điểm a, Khoản 2, Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của

Chính phủ. Công an huyện Đông Anh quyết định xử phạt cảnh cáo đối với anh Nguyễn Hữu Kh.

Đối với chiếc xe máy Dream BKS: 29S1-307.03 đăng ký mang tên Đặng Văn T2, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn Đ, Xã V, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội là em trai T. Tại Cơ quan điều tra T2 khai chiếc xe máy là của bố T2 ông Đặng Văn D mua cách đây khoảng 04 năm với giá khoảng 15.000.000đ. Ông Đặng Văn D khai: ông mua chiếc xe máy này để gia đình cùng sử dụng, việc T sử dụng xe máy đi đánh nhau ông D, anh T2 không biết. Như vậy chiếc xe máy Dream BKS: 29S1-307.03 là tài sản hợp pháp của ông Đặng Văn D, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy Wave màu trắng: H khai mượn của một người tên Ph, sinh năm: 1993; quê ở Thanh Hóa thuê trọ tại nhà bà M ở Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, chỉ biết BKS: 36C1-.... Xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị M sinh năm: 1943; trú tại: thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội hiện khu nhà thuê trọ của bà M đang sửa chữa, không có người thuê trọ, không xác định được ai tên Ph sinh năm: 1993; quê ở Thanh Hóa thuê trọ nên không làm rõ được.

Đối với thanh kiếm nhật của H: H khai nhặt được tại đê thôn Đ cách đây khoảng 02 năm và mang về để tại nhà. Sau khi gây án xong, H đã vứt bỏ khi đi qua cầu N đoạn sông thuộc xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm được.

Đối với con dao tông H khai mua của ông Nguyễn Quốc Th sinh năm: 1940 tại chợ C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội cách đây khoảng 4-5 năm rồi để tại nhà. Cơ quan điều tra lấy lời khai Ông Nguyễn Quốc Th: Trước đây ông Th có mua các loại dao tông từ chợ Đồng Xuân về bán tại cửa hàng của mình ở chợ thôn C. Cách đây khoảng 10 năm, do biết dao tông bị cấm bán nên ông Th ngừng không bán nữa. Ông Th không nhớ đã bán dao tông cho những ai.

Con dao tông là hung khí T sử dụng gây thương tích cho anh Kh, 01 áo ba lỗ màu trắng của ông H, có dính vết màu đỏ nghi là máu người, 01 đôi dép tông màu đen, phần quai dép có biểu tượng con tuần lộc của anh Kh, trên dép có chất màu đỏ nghi là máu người là chứng cứ của vụ án.

Đối với 01 đôi dép tông màu đen, có ghi chữ "lacoste" hiện chưa xác định là của ai, không phải là vật chứng của vụ án, không có giá trị tài sản nên Cơ quan điều tra tiêu hủy.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung đã nêu trên; Bị hại là anh Nguyễn Hữu Kh xác nhận đã nhận số tiền 500.000.000đồng do gia đình các bị cáo T, H và H1 bồi thường, nay anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm và đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Th là bố mẹ bị cáo H1 khai đã góp số tiền 80.000.000đồng để bồi thường cho bị hại và không có ý kiến thắc mắc gì; Ông Đặng Văn D, bà Nguyễn Thị Ph là bố mẹ bị cáo T khai đã đóng góp số tiền

330.000.000đồng để bồi thường cho bị hại và không có ý kiến thắc mắc gì. Ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị M là bố mẹ bị cáo H khai đã đóng góp số tiền 90.000.000đồng để bồi thường cho bị hại và không có ý kiến thắc mắc gì đối với số tiền này.

Bản cáo trạng số 200/CT-VKS ngày 22/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn H1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Đặng Văn T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Đặng Văn H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Trần Văn T1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 69, 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Văn H1 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về dân sự: Quá trình điều tra gia đình các bị cáo T, H và H1 đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000.000đồng cho bị hại, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao tông là hung khí T sử dụng gây thương tích cho anh Kh, 01 áo ba lỗ màu trắng của ông H, 01 đôi dép tông màu đen, phần quai dép có biểu tượng con tuần lộc là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1, sau khi tham gia xét hỏi và tranh luận, nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Trong vụ án này vai trò của bị cáo H1 không trực tiếp gây nên thương tích cho anh Kh, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức còn chưa đầy đủ, ở lứa tuổi này tâm sinh lý chưa phát triển hoàn thiện nên dễ bị lôi kéo và rủ rê, bị cáo chưa thấy được tính nguy hiểm do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra với mình nên H1 đã đi theo T và dẫn đến phạm tội, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhân thân tốt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và có cơ hội cho bị cáo sửa chữa sai lầm.

Các bị cáo nói lời sau cùng, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 26/6/2017 tại thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn H1 có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Nguyễn Hữu Kh bị tổn hại 48% sức khoẻ. Do đó đủ cơ sở khẳng định các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra làm mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do coi thường sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Trong vụ án này có đồng phạm nhưng thủ đoạn đơn giản; Xét về tính chất mức độ hành vi của các bị cáo cho thấy bị cáo T là người giữ vai trò chính lôi kéo các bị cáo khác phạm tội, bị cáo T là người trực tiếp dùng dao chém vào bị hại dẫn đến thương tích, do vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T ở mức cao nhất so với các bị cáo khác. Tiếp đến bị cáo H là người mang hung khí đến để T gây thương tích cho bị hại; do vậy cũng cần áp dụng một hình phạt tưng xứng với hành vi của bị cáo. Đối với bị cáo T1 và bị cáo H1 là đồng phạm giúp sức, bị cáo T giúp sức tích cực hơn đèo bị cáo H về nhà lấy hung khí; do vậy cũng cần áp dụng một hình phạt tưng xứng với hành vi của từng bị cáo. Tại thời điểm phạm tội bị cáo H1 là người chưa thành niên vì vậy áp dụng Khoản 1 Điều 74 Bộ

luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo bằng ba phần tư mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét: Các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải; Gia đình các bị cáo T, H và H1 đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị hại cũng có một phần lỗi; các bị cáo H, H1 và T1 đầu thú. Chính vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; tuy bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo T nhưng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên áp dụng hình phạt đối với hai bị cáo này ở mức khởi điểm là phù hợp. Bị cáo H1 là người chưa thành niên phạm tội và trước khi phạm tội chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu có nơi cư trú ổn định rõ ràng; có cụ nội được tặng bằng có công với nước, có ông nội được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo H1 được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[4] Về phần bồi thường dân sự: Các bên đã tự hoà giải xong không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 con dao tông là hung khí T sử dụng gây thương tích cho anh Kh, 01 áo ba lỗ màu trắng của ông H, có dính vết màu đỏ nghi là máu người, 01 đôi dép tông màu đen, phần quai dép có biểu tượng con tuần lộc của anh Kh, trên dép có chất màu đỏ nghi là máu người là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo H1, người bào chữa cho bị cáo H1, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn H1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Đặng Văn T: 05(Năm) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17.8.2017.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Đặng Văn H 05(Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14.8.2017.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 104; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Trần Văn T1 05(Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08.9.2017

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 69, 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn H1 36(Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay cho bị cáo Nguyễn Văn H1 tại phiên toà nếu không bị tạm giam về một tội khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 233 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tông, 01 áo ba lỗ màu trắng, 01 đôi dép tông màu đen, phần quai dép có biểu tượng con tuần lộc (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Anh với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 29/11/2017).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người đại diện hợp pháp của bị cáo H1, người bào chữa cho bị cáo H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Anh.
- VKSND TP. Hà Nội
- Công an huyện Đông Anh.
- Bị cáo.
- Lưu./.

(Đã ký)

Phạm Văn Tiến